

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2021

“V/v Ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cảnh
2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dur -Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về vụ “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K do được mai mối rồi tìm hiểu nhau khoảng một năm và tự nguyện quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2004. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn còn hành hung, ngược đãi, xúc phạm chị và cha mẹ ruột của chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi và khoảng cuối năm 2019 vợ chồng ly thân cho đến

nay.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Có hai người là Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 20/6/2004 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/6/2006, hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, con muốn sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng; nếu con muốn sống chung với anh Khan thì chị đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị chưa đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống chị và anh K không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 24/11/2021, anh Nguyễn Văn K có lời trình bày như sau: Qua lời trình bày của vợ anh là chị Lê Thị H về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, về con chung, về tài sản và về nợ là đúng. Anh và chị H kết hôn vào năm 2004, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, một phần do anh thường xuyên uống rượu, có lời nói xúc phạm chị H và cha mẹ ruột của chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi và khoảng cuối năm 2019, chị H về nhà cha mẹ ruột của chị sống tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H vì anh vẫn còn thương chị và anh mong muốn chị bỏ qua lỗi lầm của anh trước đây để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lại cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh đề nghị Tòa giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu con sống chung với anh thì anh nuôi dưỡng và chưa đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản anh không đặt ra giải quyết. Về nợ thì anh và chị H không có thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ anh chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2021, cháu Nguyễn Hoàng N có lời trình bày như sau: Cha cháu là Nguyễn Văn K còn mẹ là Lê Thị H. Hiện cháu đang học lớp 10 Trường THPT H thuộc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nếu anh K, chị H chấm dứt hôn nhân, cháu có nguyện vọng được sống chung với anh Nguyễn Văn K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2021, cháu Nguyễn Thị Trúc M có lời trình bày như sau: Cha cháu là Nguyễn Văn K còn mẹ là Lê Thị H, hiện cháu đang học lớp 12 Trường THPT H thuộc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nếu anh K, chị H chấm dứt hôn nhân, cháu có nguyện vọng được sống chung với chị Lê Thị H.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên và không có bổ sung, tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, anh Khan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 51, 54, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H. Cho chị H được ly hôn anh K. Về con chung giao cháu M cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu N cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu; Về tài sản chị H, anh K không có tranh chấp nên đề nghị không xét; Về nợ chị H, anh K khai không có nên đề nghị không xem xét; Về án phí buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2004, đăng ký ngày 14 tháng 5 năm 2004. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp.

[3.1] Sau khi cưới, chị H và anh K chung sống tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị H và anh K thừa nhận, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K thường xuyên uống rượu không hỗ trợ giúp đỡ chị H các công việc hàng ngày mà có lời nói xúc phạm đến chị và cha mẹ ruột của chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ cuối năm 2019, chị H và anh K đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với

anh K và yêu cầu được ly hôn với anh K. K anh không đồng ý ly hôn với chị H, anh cho rằng vẫn còn thương chị H và mong muốn chị H bỏ qua lỗi lầm của anh trước đây để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lại cùng nhau nuôi dạy con chung.

[3.2] Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh K đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...* ” Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị H, anh K không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không quan tâm gì đến nhau từ cuối năm 2019 đến nay đã 02 năm. Đồng thời, qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị H, anh K cũng xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh K là có thật và khó hàn gắn. Bởi vì năm 2015, cuộc sống vợ chồng chị H, anh K xảy ra mâu thuẫn, Ban nhân dân ấp đã hòa giải cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ lại nhưng đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh K tiếp tục xảy ra trầm trọng, chị H quyết tâm ly hôn với anh K. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh K có hai người con chung là Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 20/6/2004 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/6/2006. Khi chị H, anh K ly hôn, cháu M có nguyện vọng được sống chung với chị H còn cháu N có nguyện vọng được sống chung với anh K. Chị H, anh K cũng thống nhất nuôi con theo nguyện vọng của con. Xét nguyện vọng của cháu M được sống chung với chị H và cháu N được sống chung với anh K là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống. Bởi lẽ, hiện tại cả chị H và anh K đều có chỗ ở ổn định và đều có ý kiến thống nhất nuôi con. Do đó, Tòa chấp nhận cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Trúc M, anh K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H, anh K chưa đặt yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6] *Về tài sản*: Chị H và anh K không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[7] *Về nợ*: Chị H và anh K khai không có nên Tòa không xem xét.

[8] *Về án phí*: Chị H là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn giảm nộp tiền án phí nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị Lê Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 20/6/2004; anh Nguyễn Văn K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/6/2006.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh K chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Về tài sản: Chị H và anh K không đặt ra yêu cầu giải quyết, Tòa không xem xét.

Về nợ: Chị H, anh K khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cân trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006435 ngày 19/10/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh K không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Trang
Đã ký

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Cảnh

Nguyễn Văn Minh

Nguyễn Thị Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thế Nghiệp

Nguyễn Văn Thắng

Nguyễn Thị Trang

